TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
**CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG**

Số: 333 /TB-GTCB

V/v đăng tải thông tin chào hàng rộng rãi mua quặng sắt phục vụ sản xuất

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Cao Bằng, ngày 01 tháng 03 năm 2021*

Kính gửi: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Căn cứ Công văn số 1507/TKV-VTM+VP ngày 31/3/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc hướng dẫn quy trình tiếp nhận và đăng tải thông tin mua sắm vật tư trên website của Tập đoàn;

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (CISCO) tổ chức chào giá rộng rãi mua quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. Kính đề nghị Văn phòng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đăng tải lên Website của TKV thông báo chào giá rộng rãi lô hàng trên với các nội dung sau:

## THÔNG BÁO TỔ CHỨC CHÀO HÀNG RỘNG RÃI

- Bên mời chào giá: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Tên lô hàng: Mua quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

- Thời gian phát hành Hồ sơ mời tham gia chào giá: 09h00 ngày 01/3/2021 đến 14h00 ngày 09/3/2021, tại phòng Kế hoạch Vật tư Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Thời gian nộp hồ sơ chào giá: Từ 14h00 ngày 01/3/2021 đến 14h00 ngày 09/3/2021.

- Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 14h30 ngày 09/3/2021 tại Văn phòng Công ty Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng kính mời đại diện Quý khách hàng là các doanh nghiệp trong nước có chức năng và có khả năng cung cấp vật tư, hàng hóa tham gia chào giá vào thời gian và địa điểm nêu trên./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu: VP, KHVT.

**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 4800162247-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
TP. CAO BẰNG - T. CAO BẰNG

**Nguyễn Văn Phương**

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
**CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG**

Số: 208 /QĐ-GTCB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Cao Bằng, ngày 01 tháng 03 năm 2021*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Hồ sơ mời chào giá mua quặng sắt Phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng**
***(Phiên chào giá rộng rãi ngày 09/3/2021)***

## GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 27/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-HĐQT ngày 04/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-GTCB ngày 01/3/2021 của Giám đốc Công ty CP Gang thép Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm Quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành "Hồ sơ chào giá cung cấp Quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng" kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban giám đốc, Trưởng các phòng chức năng Công ty, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng giá Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Lưu: VP, KHVT.

**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 4800162247-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG TP. CAO BẰNG-T. CAO BẰNG

**Nguyễn Văn Phương**

# HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

**Tên đơn hàng: Mua sắm Quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.**

**Số hiệu đơn hàng: QUANGSAT022021**

**Phát hành ngày: 01/3/2021.**

**BÊN MỜI CHÀO GIÁ**
**CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG**
**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 4800162247 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG - TP. CAO BẰNG - T. CAO BẰNG

**Nguyễn Văn Phương**

## Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

### Mục 1. Bên mời chào giá

**1. Tên bên mời chào giá:** Công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO).

**2.** Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp tham gia chào giá rộng rãi cung cấp Quặng sắt theo đơn hàng "Mua sắm Quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng", số hiệu đơn hàng QUANGSAT022021.

**3. Loại hợp đồng:** Theo đơn giá điều chỉnh theo chỉ tiêu chất lượng.

### Mục 2. Các yêu cầu về hàng hóa

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

### Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

**1.** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh (Bản sao công chứng).

**2.** Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy ủy quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

**3.** Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Bản sao công chứng Báo cáo tài chính năm 2020.

- Bản sao công chứng Báo cáo/Tờ khai thuế năm 2020 chứng minh doanh thu năm 2020 đạt tối thiểu **15 tỷ đồng**.

### Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

**1. Giá, thuế, phí, lệ phí:**

***a. Giá chào:***

Giá chào là do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại Địa điểm giao nhận hàng hóa theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá và bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

***b.*** Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được đề xuất giảm giá này trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

**2. Địa điểm, thời gian giao nhận hàng hóa:**

- Địa điểm giao nhận hàng hóa: Kho của Công ty CP Gang thép Cao Bằng - Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Thời gian giao nhận hàng hóa: Mục 2. "Tiến độ cung cấp" của Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

**3. Thanh toán:** Trong vòng 45 (bốn mươi năm) ngày kể từ ngày Bên mời chào giá nhận được bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hoàn chỉnh. Bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

+ Bản chính Biên bản nghiệm thu bàn giao số lượng và chất lượng của lô hàng ký giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp.

+ Bản chính Hóa đơn giá trị gia tăng chính thức do Nhà cung cấp phát hành.

+ Bản chính Chứng nhận số lượng và chất lượng do Cơ quan giám định phát hành và/hoặc do Trọng tài phát hành (nếu sử dụng Trọng tài).

+ Hồ sơ Xuất xứ hàng hóa: Quy định tại Mục 4 Chương II "Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng".

**4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:**

Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

**Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá**

**1.** Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

**2.** Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

**3.** Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

**Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá**

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

**1. Đơn chào hàng:** Theo **Mẫu số 01** Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng theo Mẫu số 01, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

**2.** Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm cung cấp hàng hóa của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

**Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá**

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là **30** (ba mươi) ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

**Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá**

**1.** Hồ sơ chào giá bắt buộc phải được đựng trong phong bì dán kín và có niêm phong gửi về địa chỉ: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng không muộn hơn **14h00 ngày 09/3/2021.** Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá không đúng quy định và/hoặc sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

**2.** Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng (trừ trường hợp xử lý tình huống khi chỉ có ít hơn 03 (ba) Nhà cung cấp nộp Hồ sơ chào giá). Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp thì việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được

tiến hành theo quy định mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các Nhà cung cấp này.

**3.** Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

**4.** Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ chào giá cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

**Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá**

**1.** Sau khi mở Hồ sơ chào giá, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Bên mời chào giá yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

**2.** Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa Nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

**3.** Trong thời gia 03 (ba) ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ và năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

**4.** Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

**Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá**

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

**1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:**

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

**2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:**

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

**3. Đánh giá về kỹ thuật:**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để làm cơ sở đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nguồn gốc, xuất xứ, đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (trường hợp Nhà cung cấp chào tiêu chuẩn tương đương, Nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu về tiêu chuẩn mình đã chào để Bên mời chào giá có cơ sở so sánh, đánh giá tính tương đương của tiêu chuẩn chất lượng);

- Tiến độ cung cấp hàng hóa.

**4. Đánh giá về giá:**

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định giá chào đối với từng hạng mục dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về thanh toán, giao hàng, v.v...

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có đơn giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

**Mục 11. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp**

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

**1.** Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;

**2.** Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các Hồ sơ chào giá từ thấp nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Bên mời chào giá bảo lưu toàn bộ quyền lựa chọn nhiều hơn 01 (một) Nhà cung cấp hoặc không lựa chọn Nhà cung cấp nào.

**Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% (ba phần trăm) giá trị hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:

+ Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Nộp tiền vào tài khoản Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng số TK: 3301 0000 017 892 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Cao Bằng.

+ Hoặc Bên B có thể dùng một phần giá trị tiền hàng của Lô hàng đã giao nhận lần đầu để làm bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

+ Trường hợp Bên B có công nợ dư tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo các hợp đồng kinh tế đã phát sinh trước đây thì có thể dùng phần dư có đó để chuyển thành bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu phần dư có đủ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng, nếu chưa đủ có thể chuyển khoản bổ sung cho phần thiếu hụt).

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày bên bán hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

**Mục 13. Hợp đồng**

Nhà cung cấp được duyệt sẽ được mời ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện theo dự thảo Hợp đồng Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên mời chào giá ra văn bản thông báo kết quả lựa chọn, Nhà cung cấp trung chào giá phải tiến hành xong việc thương thảo và ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa toàn bộ lượng hàng hóa được Bên mời chào giá chọn mua của Nhà cung cấp trong Phiên chào giá. Sau thời hạn trên, nếu Nhà cung cấp trúng chào giá không tiến hành việc thương thảo và ký kết Hợp đồng, hoặc sau khi ký Hợp đồng nhưng không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng, thì được xem như Nhà cung cấp ấy từ chối tư cách Nhà cung cấp trúng chào giá. Bên mời chào giá có thể hủy kết quả chào giá hoặc mời Nhà cung cấp đạt yêu cầu tiếp theo trong Phiên chào giá để thương thảo và ký kết Hợp đồng.

## Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp chỉ được quyền chào giá toàn bộ lượng hàng hóa tham gia mời chào giá theo nội dung yêu cầu dưới đây:

**1. Phạm vi cung cấp hàng hóa:**

- Tên đơn hàng: Mua sắm Quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

- Số hiệu đơn hàng: QUANGSAT022021.

- Tên hàng hóa: Quặng sắt limonit và Quặng sắt manhetit.

- Số lượng hàng hóa:

+ Quặng sắt limonit (0-8mm): **30.000** ± 5% tấn quy khô (độ ẩm 0%).

+ Quặng sắt manhetit (0-8mm): **10.000** ± 5% tấn quy khô (độ ẩm 0%).

***Lưu ý: Khách hàng có thể tham gia chào giá một phần hoặc toàn bộ số lượng hàng hóa của Phiên chào giá này nhưng số lượng chào đảm bảo tối thiểu 5.000 tấn.***

- Địa điểm giao nhận hàng hóa: Kho của Công ty CP Gang thép Cao Bằng - Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng.

**2. Tiến độ cung cấp:**

Kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 30/6/2021, trung bình giao nhận không thấp hơn 5.000 tấn/tháng.

**3. Tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa:**

| Chỉ tiêu | Tham chiếu | Dung sai chấp nhận | Tăng/giảm đơn giá |
|---|---|---|---|
| **1. Quặng sắt limonit (0-8mm)** | | | |
| **Fe tổng cộng (TFe)** | ≥54,0% | ≥53% | -40.000đ cho mỗi 1% TFe dưới 54%<br>+30.000đ cho mỗi 1% TFe trên 54% |
| **Nước kết tinh** | ≥10% | ≥10% | |
| **$SiO_2$** | <6,0% | <6,0% | |

| Chỉ tiêu | Tham chiếu | Dung sai chấp nhận | Tăng/giảm đơn giá |
|---|---|---|---|
| S | ≤0,07% | ≤0,07% | |
| P | ≤0,06% | ≤0,06% | |
| $Al_2O_3$ | ≤1,5% | ≤1,5% | |
| Zn | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Pb | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Na+K | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Cỡ hạt>8mm | ≤10% | ≤10% | |
| **2. Quặng sắt manhetit (0-8mm)** | | | |
| Fe tổng cộng (TFe) | ≥62,0% | 60% | -40.000đ cho mỗi 1% TFe dưới 62%<br>+30.000đ cho mỗi 1% TFe trên 62% |
| SiO2 | <6,0% | <6,0% | |
| S | ≤0,07% | ≤0,07% | |
| P | ≤0,06% | ≤0,06% | |
| Al2O3 | ≤1,5% | ≤1,5% | |
| Zn | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Pb | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Na+K | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Cỡ hạt>8mm | ≤10% | ≤10% | |

**4. Xuất xứ hàng hóa:**

Quặng sắt được sản xuất khai thác hợp pháp tại Việt Nam. Bên Bán cam kết và chịu mọi trách nhiệm trước Pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

**5. Giám định số lượng, chất lượng hàng hóa và trọng tài:**

***5.1. Cơ quan giám định:***

Toàn bộ số lượng và chất lượng hàng hóa được giám định bởi Bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) của Bên mời chào giá.

***5.2. Quy trình giám sát cân đong, lấy mẫu và phân tích mẫu:***

Theo quy trình giám sát cân đong, lấy mẫu và phân tích mẫu (xác định độ ẩm, cỡ hạt và chất lượng) của Bên mời chào giá.

***5.4. Trọng tài:***

Trường hợp Nhà cung cấp không đồng ý với 01 (một) hoặc nhiều chỉ tiêu chất lượng do Bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) của Bên mời chào giá công bố trong Phiếu báo kết quả phân tích thì trong vòng 02 (hai) ngày làm việc các Bên cùng nhau thống nhất lựa chọn một tổ chức có chức năng giám định làm trọng tài để giám định lại chỉ tiêu chưa thống nhất đó. Kết quả giám định trọng tài đối với chỉ tiêu chất lượng chưa thống nhất trên đây là kết quả chính thức để các bên quyết toán tiền mua bán hàng hóa. Phí giám định trọng tài do Nhà cung cấp chi trả.

## Chương III. QUY ĐỊNH BIỂU MẪU HỒ SƠ CHÀO GIÁ ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

**Mẫu số 01**

### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày ..... tháng ..... năm 2021.

Tên đơn hàng: Mua sắm Quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

Số hiệu đơn hàng: QUANGSAT022021

Kính gửi: Công ty CP Gang thép Cao Bằng

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá cung cấp Quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi:

....., cam kết thực hiện đơn hàng: Mua sắm Quặng sắt phục vụ sản xuất theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với các nội dung như sau:

**1. Đơn giá và giá trị đơn hàng:**

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Số lượng (± 5%) | Đơn giá quy độ ẩm 0% (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quặng sắt limonit | Tấn | | | |
| 2 | Quặng sắt manhetit | Tấn | | | |
| **Cộng** | | | | | |
| Thuế VAT (10%) | | | | | |
| **Tổng Cộng** | | | | | |

*(Bằng chữ: .....)*

Giá chào nêu trên đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí khác (nếu có) và được giao tại kho của Công ty CP Gang thép Cao Bằng, địa chỉ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**2. Tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa:**

| Chỉ tiêu | Tham chiếu | Dung sai chấp nhận | Tăng/giảm đơn giá |
|---|---|---|---|
| **1. Quặng sắt limonit (0-8mm)** | | | |
| **Fe tổng cộng (TFe)** | ≥54,0% | ≥53% | -40.000đ cho mỗi 1% TFe dưới 54%<br>+30.000đ cho mỗi 1% TFe trên 54% |
| **Nước kết tinh** | ≥10% | ≥10% | |

| Chỉ tiêu | Tham chiếu | Dung sai chấp nhận | Tăng/giảm đơn giá |
|---|---|---|---|
| $SiO_2$ | <6,0% | <6,0% | |
| S | ≤0,07% | ≤0,07% | |
| P | ≤0,06% | ≤0,06% | |
| $Al_2O_3$ | ≤1,5% | ≤1,5% | |
| Zn | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Pb | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Na+K | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Cỡ hạt>8mm | ≤10% | ≤10% | |
| **2. Quặng sắt manhetit (0-8mm)** | | | |
| Fe tổng cộng (TFe) | ≥62,0% | 60% | -40.000đ cho mỗi 1% TFe dưới 62%<br>+30.000đ cho mỗi 1% TFe trên 62% |
| SiO2 | <6,0% | <6,0% | |
| S | ≤0,07% | ≤0,07% | |
| P | ≤0,06% | ≤0,06% | |
| Al2O3 | ≤1,5% | ≤1,5% | |
| Zn | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Pb | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Na+K | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| Cỡ hạt>8mm | ≤10% | ≤10% | |

Độ ẩm hàng hóa: Hàng hóa ẩm tự nhiên theo độ độ ẩm thực tế, nhưng tối đa không quá 15%. Độ ẩm quy chuẩn hàng hóa quy khô là 0%.

**3. Nguồn gốc, xuất xứ:** (Yêu cầu ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ)

.....

**4. Tiến độ cung cấp:** (Yêu cầu phải đảm bảo theo quy định chào giá): .....

**5. Thanh toán:** .....

**6. Đề xuất khác** (nếu có): .....

.....

.....

**Chúng tôi cam kết:**

**1.** Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.

**2.** Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá và cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian **30 ngày**, kể từ ngày ..... [*Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá*].

**Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 02:**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# HỢP ĐỒNG KINH TẾ
*Số: /HĐKT/2021*

**Về việc: Mua bán quặng sắt**

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 03/VBHN-VPQH ngày 28/06/2017 hợp nhất Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và Luật Quản lý ngoại thương số: 05/2017/QH14 ngày 12/06/2017 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên.

*Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại Công ty cổ phần Gang thép cao Bằng Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:*

**I. Bên mua: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (Bên A)**

- Địa chỉ: Số 52 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Điện thoại: 02063 953369 Fax: 02063 953 268

- E-mail: gangthepcb@gmail.com

- Tài khoản: 33010000017892 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng.

- Mã số thuế: 4800162247

- Đại diện là ông: **Nguyễn Văn Phương** Chức vụ: Giám đốc

**II. Bên bán: *[Nhà cung cấp được lựa chọn]* (Bên B)**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

*Hai bên thỏa thuận và ký kết hợp đồng mua bán quặng sắt với các nội dung cụ thể như sau:*

**ĐIỀU 1. TÊN HÀNG HÓA, QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG:**

Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán hàng hóa là quặng sắt với các chi tiết như sau :

1.1. Tên hàng hóa: Quặng sắt limonit và Quặng sắt manhetit.

1.2. Đặc tính: Quặng sắt được khai thác tự nhiên, không phối trộn với các sản phẩm quặng sắt khác.

1.3 Xuất xứ: Quặng được sản xuất khai thác hợp pháp tại Việt Nam. Bên B cam kết và chịu mọi trách nhiệm trước Pháp luật về xuất sử hàng hóa.

1.4. Thành phần hóa học: Tiêu chuẩn và dung sai chất lượng được chấp nhận như bảng dưới đây.

*Bảng tiêu chuẩn và dung sai chất lượng cho phép*

| Chỉ tiêu | Tham chiếu | Dung sai chấp nhận | Tăng/giảm đơn giá |
|---|---|---|---|
| **1. Quặng sắt limonit (0-8mm)** | | | |
| **Fe tổng cộng (TFe)** | ≥54,0% | ≥53% | -40.000đ cho mỗi 1% TFe dưới 54%<br>+30.000đ cho mỗi 1% TFe trên 54% |
| **Nước kết tinh** | ≥10% | ≥10% | |
| **$SiO_2$** | <6,0% | <6,0% | |
| **S** | ≤0,07% | ≤0,07% | |
| **P** | ≤0,06% | ≤0,06% | |
| **$Al_2O_3$** | ≤1,5% | ≤1,5% | |
| **Zn** | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| **Pb** | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| **Na+K** | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| **Cỡ hạt>8mm** | ≤10% | ≤10% | |
| **2. Quặng sắt manhetit (0-8mm)** | | | |
| **Fe tổng cộng (TFe)** | ≥62,0% | 60% | -40.000đ cho mỗi 1% TFe dưới 62%<br>+30.000đ cho mỗi 1% TFe trên 62% |
| **SiO2** | <6,0% | <6,0% | |
| **S** | ≤0,07% | ≤0,07% | |
| **P** | ≤0,06% | ≤0,06% | |
| **Al2O3** | ≤1,5% | ≤1,5% | |
| **Zn** | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| **Pb** | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| **Na+K** | ≤0,05% | ≤0,05% | |
| **Cỡ hạt>8mm** | ≤10% | ≤10% | |

1.5 Độ ẩm: Hàng hóa ẩm tự nhiên theo độ độ ẩm thực tế, nhưng tối đa không quá 15%. Độ ẩm quy chuẩn hàng hóa quy khô là 0%

**ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

***2.1 Số lượng***

+ Quặng sắt limonit (0-8mm): ..... ± 5% tấn quy khô (độ ẩm 0%).
+ Quặng sắt manhetit (0-8mm): ..... ± 5% tấn quy khô (độ ẩm 0%).

***1.2 . Đơn giá chính thức:***

*i) Quặng sắt limonit (0-8mm): ……đ/tấn*

*ii) Quặng sắt manhetit (0-8mm): ……đ/tấn*

Đơn giá chính thức trên đây được hiểu là:

(i) Được xác định trên cơ sở thành phần hóa học của hàng hóa phù hợp với bảng tiêu chuẩn chất lượng quy định tại cột 2 ("Tham chiếu") trong "Bảng tiêu chuẩn và dung sai chất lượng cho phép" tại khoản 1.4 Điều 1 Hợp đồng.

(ii) Đã bao gồm toàn bộ thuế tài nguyên, các khoản thuế, phí phải nộp khác theo quy định hiện hành của pháp luật và toàn bộ chi phí vận chuyển hàng hóa tới kho quặng sắt của Công ty CP Gang thép Cao Bằng quy định tại Khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng,.

(ii) Được xác định trên cơ sở thành phần hóa học của hàng hóa phù hợp với bảng tiêu chuẩn chất lượng quy định tại Điều 1 Hợp đồng.

(iii) Chưa bao gồm thuế VAT 10%

***1.2. Giá trị đã bao gồm thuế VAT của hợp đồng:***

***+ Giá trị tám tính của hợp đồng:***

- Giá trị tạm tính hợp đồng: *bằng khối lượng Quặng sắt x đơn giá* x1,1.

*Bằng chữ: .....*

+ Giá trị chính thức của Hợp đồng được xác định trên cơ sở:

(i) Số lượng hàng hóa quy khô thuộc mỗi loại sản phẩm thực tế giao nhận;

(ii) Đơn giá quyết toán cho từng loại sản phẩm bằng (=) Đơn giá chính thức cộng/trừ (±) chất lượng quy định tại Điều 5 Hợp đồng (nếu có).

- Các mức Giá trị của Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT 10%

**ĐIỀU 3. GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

*3.1. Địa điểm, thời gian giao nhận hàng:*

- Địa điểm giao nhận hàng: Tại kho quặng sắt Công ty CP Gang thép Cao Bằng. (Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam).

- Thời gian giao nhận hàng:

+ Thời gian giao nhận hàng hóa được thực hiện 7 ngày/tuần, 30 ngày/tháng (đối với tháng 30 ngày) trong điều kiện thời tiết cho phép. Hàng ngày việc giao nhận hàng hóa được bắt đầu từ 08h00 đến 17h00.

+ Thời gian giao nhận toàn bộ lượng hàng hóa: bắt đầu từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/6/2021, trung bình giao nhận không thấp hơn 5.000 tấn/tháng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các điều kiện khó khăn như: thời tiết không thuận lợi, điều kiện đường xá bị hư hỏng phải sửa chữa ảnh hưởng đến lưu thông, cấm đường của cơ quan có chức năng ... thì thời gian giao nhận hàng được hai bên nhất trí kéo dài thêm nhưng cũng không quá ngày 30/7/2021.

*3.2. Phương thức giao nhận hàng:*

- Bên B giao hàng cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 Hợp đồng. Chi phí cân hàng do Bên A chịu.

- Hàng hóa thuộc Hợp đồng này được giao nhận bằng phương pháp cân phương tiện vận chuyển của Bên B tại trạm cân trong khu vực sản xuất của Bên A trước và sau khi dỡ hàng hóa tại Địa điểm giao nhận hàng. Phương tiện vận chuyển của Bên B chuyển hàng hóa từ trạm cân đến đổ tại kho quặng sắt của Bên A.

- Điều kiện giao nhận hàng hóa: Bên A có trách nhiệm cung cấp, thông báo cho Bên B sơ đồ kho bãi chứa quặng mua của Bên A để Bên B chủ động bố trí vị trí đổ hàng hàng ngày, đảm bảo thuận tiện nhất cho Bên A khi xúc bốc hàng hóa đưa vào sản xuất.

- Hàng hóa được giao thành từng phần: mỗi lô hàng có số lượng tối thiểu 5.000 tấn (±5%) hàng hóa quy khô được giao nhận trong một hoặc nhiều ngày liên tục. Giao nhận xong một lô hàng nào đó mới được giao nhận lô hàng tiếp theo.

*3.3. Thông báo giao hàng:*

- Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc trước khi giao lô hàng, Bên B thông báo bằng fax hoặc điện thoại cho Bên A chi tiết về số lượng hàng hóa được giao và biển số hoặc số hiệu phương tiện vận chuyển của Bên B.

*3.4. Biên bản giao nhận hàng hóa:*

3.4.1. Biên bản giao nhận hàng hóa mỗi ngày:

- Biên bản giao nhận hàng hóa mỗi ngày được lập ngay sau khi kết thúc giao nhận hàng hóa ẩm tự nhiên trong ngày đó và có kết quả xác định độ ẩm cùng kết quả xác định tỷ lệ cỡ hạt cho lượng hàng hóa giao nhận trong ngày đó.

- Biên bản giao nhận hàng hóa mỗi ngày phải thể hiện trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận trong ngày, độ ẩm, tỷ lệ cỡ hạt, trọng lượng hàng hóa quy khô, trọng lượng hàng hóa quy khô theo từng cỡ hạt cho lượng hàng hóa giao nhận trong ngày.

- Biên bản giao nhận hàng hóa mỗi ngày phải được ký nhận bởi đại diện giao nhận hàng hóa của Bên A và Bên B; được lập thành 06 (sáu) bản, Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở lập và ký kết Biên bản tổng hợp giao nhận lô hàng.

3.4.2. Biên bản tổng hợp giao nhận lô hàng:

- Biên bản tổng hợp giao nhận lô hàng được lập ngay sau khi kết thúc quá trình giao nhận lô hàng và có kết quả phân tích thành phần hóa học cho lô hàng đó tại phòng thí nghiệm của bên A.

- Biên bản tổng hợp giao nhận lô hàng phải thể hiện chi tiết:

(i) Trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên, độ ẩm, tỷ lệ cỡ hạt, trọng lượng hàng hóa quy khô, trọng lượng hàng hóa quy khô theo từng cỡ hạt cho lượng hàng hóa giao nhận mỗi ngày;

(ii) Trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận của cả lô hàng, trung bình độ ẩm, trung bình tỷ lệ cỡ hạt, trọng lượng hàng hóa quy khô của cả lô hàng, trọng lượng hàng hóa quy khô theo từng cỡ hạt của cả lô hàng, và kết quả phân tích thành phần hóa học của lô hàng đó tại phòng thí nghiệm của Bên A.

- Biên bản tổng hợp giao nhận lô hàng phải được ký nhận bởi đại diện giao nhận hàng hóa của Bên A, Bên B được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản.

- Biên bản tổng hợp giao nhận lô hàng là căn cứ để lập Biên bản quyết toán lô hàng.

**ĐIỀU 4. LẤY MẪU, GIA CÔNG MẪU, PHÂN TÍCH MẪU, NGHIỆM THU HÀNG HÓA**

*4.1. Xác định độ ẩm, tỷ lệ cỡ hạt, nghiệm thu trọng lượng:*

4.1.1. Xác định độ ẩm:

- Bên A cùng Bên B tiến hành lấy mẫu và gia công mẫu xác định độ ẩm cho lượng hàng hóa giao nhận mỗi ngày theo "*Quy trình cân, lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu quặng sắt*" ban hành theo Quyết định số 437/QĐ-GTCB ngày 29/3/2019 của Bên A. Khi xe hàng của bên B vào cân bộ phận lấy mẫu của bên A sẽ tiến hành lấy mẫu cho từng xe hàng để xác định độ ẩm, mẫu này sẽ được bảo quản theo quy định, kết thúc 01 ngày sẽ tiến hành xác định độ ẩm của lượng hàng hóa giao trong ngày. Mẫu xác định độ ẩm không làm chung với mẫu xác định cỡ hạt hay mẫu phân tích thành phần hóa học.

- Việc xác định độ ẩm cho lượng hàng hóa giao nhận mỗi ngày được làm ngay tại phòng thí nghiệm của Bên A ở Địa điểm giao nhận hàng. Độ ẩm thực tế của lượng hàng hóa giao nhận mỗi ngày được công nhận bằng (=) Độ ẩm xác định được từ mẫu xác định độ ẩm cho lượng hàng hóa giao nhận trong ngày đó, và được làm tròn tới chữ số thập phân hàng trăm gần nhất (ví dụ 10,54%).

4.1.2. Xác định tỷ lệ cỡ hạt:

- Bên A cùng Bên B tiến hành lấy mẫu để xác định tỷ lệ cỡ hạt cho lượng hàng hóa giao nhận mỗi ngày. Quy trình lấy mẫu xác định cỡ hạt được thực hiện theo quy định bổ sung về Quy trình lấy mẫu xác định cỡ hạt của "*Quy trình cân, lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu quặng sắt*" ban hành theo Quyết định số 437/QĐ-GTCB ngày 29/3/2019 của Bên A. Mẫu xác định tỷ lệ cỡ hạt không làm chung với mẫu xác định độ ẩm hay mẫu phân tích thành phần hóa học.

- Việc xác định tỷ lệ cỡ hạt cho lượng hàng hóa giao nhận mỗi ngày được làm ngay tại phòng thí nghiệm của Bên A ở Địa điểm giao nhận hàng. Tỷ lệ cỡ hạt thực tế của lượng hàng hóa giao nhận mỗi ngày được công nhận bằng (=) Tỷ lệ cỡ hạt xác định được từ mẫu xác định tỷ lệ cỡ hạt cho lượng hàng hóa giao nhận trong ngày đó, và được làm tròn tới chữ số thập phân hàng trăm gần nhất (ví dụ <1mm = 95,05%, trên 1mm = 2,82%).

4.1.3. Nghiệm thu trọng lượng:

- Trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên và trọng lượng hàng hóa quy khô được xác định bằng đơn vị tấn (t).

- Xác định trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên:

+ Trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận từ mỗi phương tiện vận tải của Bên A được xác định bằng (=) trọng lượng phương tiện vận tải có tải (trọng lượng trước khi dỡ hàng) trừ (-) trọng lượng phương tiện vận tải không tải (trọng lượng sau khi dỡ hàng), phù hợp với quy định tại "Quy trình cân, lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu quặng sắt" ban hành theo Quyết định số 437/QĐ-GTCB ngày 29/3/2019 của Bên A.

+ Trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận mỗi ngày bằng (=) tổng trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận từ toàn bộ các phương tiện vận tải giao nhận hàng trong ngày đó.

+ Trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên cả lô hàng bằng (=) tổng trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận mỗi ngày trong toàn bộ các ngày tiến hành giao nhận.

- Xác định trọng lượng hàng hóa quy khô:

+ Trọng lượng hàng hóa quy khô giao nhận mỗi ngày là trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận trong ngày đó trừ (-) Trọng lượng nước tính theo Độ ẩm thực tế của lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận trong ngày đó.

+ Trọng lượng hàng hóa quy khô mỗi ngày được tính theo công thức sau:

$$TLQK = TLHA - TLHA \times Độ\ ẩm\ thực\ tế$$

*Trong đó:* *TLQK: Trọng lượng hàng hóa quy khô giao nhận mỗi ngày.*

*TLHA: Trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên giao nhận mỗi ngày.*

+ Trọng lượng hàng hóa quy khô của lô hàng bằng (=) Tổng trọng lượng hàng hóa quy khô giao nhận mỗi ngày trong toàn bộ các ngày tiến hành giao nhận.

+ Trọng lượng hàng hóa quy khô theo từng cỡ hạt của lô hàng bằng (=) Tổng trọng lượng hàng hóa quy khô theo từng cỡ hạt tương ứng giao nhận mỗi ngày trong toàn bộ các ngày tiến hành giao nhận.

*4.2. Phân tích thành phần hóa học, nghiệm thu chất lượng:*

- Bên A cùng Bên B tiến hành lấy mẫu và gia công mẫu phân tích thành phần hóa học cho từng lô hàng theo "*Quy trình cân, lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu quặng sắt*" ban hành theo Quyết định số 437/QĐ-GTCB ngày 29/3/2019 của Bên A.

- Việc phân tích thành phần hóa học cho từng lô hàng được làm ngay tại phòng thí nghiệm của Đơn vị sử dụng hàng hóa ở Địa điểm giao nhận hàng. Mẫu phân tích thành phần hóa học không làm chung với mẫu xác định độ ẩm hay mẫu xác định tỷ lệ cỡ hạt.

- Mẫu phân tích thành phần hóa học: Được trộn đều, gia công và chia thành 04 (bốn) phần bằng nhau. Các túi mẫu được niêm phong có ký xác nhận của các bên tham gia lấy mẫu. mỗi bên giữ một phần, một phần được đưa vào phân tích ngay tại phòng thí nghiệm của Bên A, một phần được lưu tại phòng thí nghiệm của Bên A để làm mẫu trọng tài.

- Kết quả xác định độ ẩm và phân tích thành phần hóa học tại phòng thí nghiệm của Đơn vị sử dụng hàng hóa (trừ trường hợp phải phân tích lại thành phần hóa học tại Đơn vị giám định trọng tài) sẽ là kết quả chính thức để Bên B phát hành hóa đơn GTGT.

- Trong trường hợp hai bên có bất đồng về kết quả phân tích thành phần hóa học của lô hàng thì trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày công bố kết quả phân tích thành phần hóa học tại phòng thí nghiệm của Bên A, bên yêu cầu giám định trọng tài phải thông báo bằng văn bản cho các bên liên quan được biết về việc lấy mẫu trọng tài đi phân tích thành phần hóa học. Mẫu trọng tài được giao cho bên yêu cầu để đưa đi phân tích tại Đơn vị giám định trọng tài. Kết quả phân tích thành phần hóa học của Đơn vị giám định trọng tài được công bố và gửi đến các bên có liên quan trong thời hạn phù hợp với quy định về Thời gian trả kết quả phân tích của Đơn vị giám định trọng tài sẽ là kết quả chính thức, ràng buộc các bên có liên quan. Mọi chi phí phát sinh sẽ do bên yêu cầu giám định trọng tài chịu.

Đơn vị giám định trọng tài: Hai bên thống nhất chỉ lựa chọn một trong số ba cơ quan sau đây làm Đơn vị giám định trọng tài.

(i) Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất - Km 9 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội;

(ii) Vinacontrol Hà Nội;

(iii) SGS Việt Nam tại Hải Phòng.

- Thời gian trả kết quả phân tích của Đơn vị giám định trọng tài: Bản chính kết quả phân tích thành phần hóa học của Đơn vị giám định trọng tài phải được gửi bằng thư bảo đảm cho các bên có liên quan không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày bên yêu cầu giám định trọng tài nhận mẫu trọng tài tại phòng thí nghiệm của Đơn vị sử dụng hàng hóa. Quá thời hạn này mà vẫn không có kết quả phân tích của Đơn vị giám định trọng tài thì các bên có liên quan mặc nhiên công nhận kết quả phân tích thành phần hóa học tại phòng thí nghiệm của Đơn vị sử dụng hàng hóa là kết quả phân tích thành phần hóa học chính thức.

## ĐIỀU 5. TĂNG GIẢM ĐƠN GIÁ, TỪ CHỐI NHẬN HÀNG

***5.1. Tăng đơn giá:***

*(i)* Quặng sắt limonit: Nếu hàm lượng TFe trên 54,0% thì cứ mỗi 0,1% hàm lượng sắt tăng lên sẽ được cộng (+) thêm vào Đơn giá chính thức 3.000 đồng/tấn.

*(ii)* Quặng sắt manhetit: Nếu hàm lượng TFe trên 62,0% thì cứ mỗi 0,1% hàm lượng sắt tăng lên sẽ được cộng (+) thêm vào Đơn giá chính thức 3.000 đồng/tấn.

***5.2. Giảm trừ đơn giá:***

*(i)* Quặng sắt limonit. Nếu hàm lượng sắt tổng cộng (TFe) dưới 54,0% đến 53% thì cứ mỗi 0,1% hàm lượng sắt thấp hơn 54,0% sẽ bị giảm trừ (-) vào Đơn giá chính thức 4.000 đồng/tấn.

*(ii)* Quặng sắt manhetit: Nếu hàm lượng sắt tổng cộng (TFe) dưới 62,0% đến 60% thì cứ mỗi 0,1% hàm lượng sắt thấp hơn 62,0% sẽ bị giảm trừ (-) vào Đơn giá chính thức 4.000 đồng/tấn.

***5.3. Từ chối nhận hàng:***

Trong mọi trường hợp Bên A từ chối nhận hàng thì toàn bộ các chi phí phát sinh trong việc trả lại hàng do Bên B chi trả. Các trường hợp Bên A được quyền từ chối nhận hàng bao gồm:

***a. Đối với Quặng sắt limonit***

(i) Hàm lượng TFe dưới < 53,0%.

(ii) Nước kết tinh <10%

(iii) Hàm lượng $SiO_2$ > 6,0%.

(iv) Hàm lượng S >0,07%

(v) Hàm lượng P >0,06%

(vi) Hàm lượng $Al_2O_3$ > 1,5%.

(vii) Hàm lượng Zn > 0,05%.

(viii) Hàm lượng Pb > 0,05%.

(ix) Hàm lượng Na+K >0,05%

(x) Tỷ lệ hạt quá cỡ 8mm vượt quá 10% tổng lượng giao nhận hàng hóa của lô hàng

***b. Đối với Quặng sắt manhetit***

(i) Hàm lượng TFe dưới < 60,0%.

(ii) Hàm lượng $SiO_2$ > 6,0%.

(iii) Hàm lượng S >0,07%

(iv) Hàm lượng P >0,06%

(v) Hàm lượng $Al_2O_3$ > 1,5%.

(vi) Hàm lượng Zn > 0,05%.

(vii) Hàm lượng Pb > 0,05%.

(viii) Hàm lượng Na+K >0,05%

(ix) Tỷ lệ hạt quá cỡ 8mm vượt quá 10% tổng lượng giao nhận hàng hóa của lô hàng.

Nếu chất lượng thuộc trường hợp từ chối nhận hàng nhưng vẫn trong giới hạn cho phép theo chỉ tiêu công nghệ của Bên A thì Bên A cùng Bên B tìm phương án giải quyết như giảm trừ đơn giá đối với các thành phần hóa học không đáp ứng yêu cầu quy định hoặc giải pháp phù hợp khác. Nếu không thống nhất được hoặc vượt quá giới hạn cho phép theo chỉ tiêu công nghệ của Bên A thì Bên A từ chối nhận hàng.

**ĐIỀU 6. THANH TOÁN.**

- *Hình thức thanh toán*: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ qua Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

- *Đồng tiền thanh toán*: Đồng Việt Nam (VNĐ).

- *Thanh toán*:

+ Tạm ứng: Không.

+ Quyết toán: Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành công việc giao hàng và có kết quả xác định độ ẩm, tỷ lệ độ hạt cùng kết quả phân tích thành phần hóa học chính thức hai bên cùng nhau đối chiếu và lập Biên bản quyết toán lô hàng theo các mức Đơn giá quyết toán quy định tại Điều 2 Hợp đồng, làm căn cứ để Bên B xuất hóa đơn GTGT. Trong vòng **45** (Bốn mươi năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bản gốc các chứng từ thanh toán, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hóa đơn GTGT cho Bên B.

- *Chứng từ thanh toán*:

+ Hóa đơn GTGT do Bên B xuất cho Bên A.

+ Biên bản quyết toán lô hàng đối chiếu số lượng, chất lượng, đơn giá và giá trị của lô hàng đã giao nhận, có chữ ký và đóng dấu của hai bên.

+ Biên bản tổng hợp giao nhận lô hàng cùng các Biên bản giao nhận hàng hóa mỗi ngày kèm theo cho lô hàng đã giao nhận.

**ĐIỀU 7. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

7.1. Quyền lợi và trách nhiệm của Bên A:

- Trực tiếp tham gia giám sát việc giao nhận hàng hóa.

- Có quyền từ chối nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng trong trường hợp hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, chất lượng quy định tại Điều 1, Điều 5 Hợp đồng.

- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp quá thời hạn giao hàng theo quy định tại Khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng hoặc Bên B vi phạm các quy định tại Điều 5 Hợp đồng.

- Có trách nhiệm chuẩn bị nhân sự, phương tiện bốc dỡ và các thủ tục cần thiết để tiếp nhận hàng hóa được nhanh chóng và thuận lợi.

- Có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, kịp thời theo Điều 6 Hợp đồng.

7.2. Quyền lợi và trách nhiệm của Bên B:

- Có trách nhiệm cung cấp hàng hóa đúng tiêu chuẩn quy định tại Điều 1 Hợp đồng và đúng thời gian quy định tại Điều 3 Hợp đồng.

- Có trách nhiệm cử người đại diện cùng với Bên A giám sát việc giao nhận hàng hóa, lấy mẫu và xác nhận biên bản giao nhận hàng hóa với số lượng, chất lượng tại địa điểm giao nhận hàng.

- Có trách nhiệm thông báo trước cho Bên A thời gian giao hàng và số lượng hàng giao thuộc từng lô hàng để Bên A chủ động chuẩn bị kho bãi để tiếp nhận hàng.

- Chịu trách nhiệm hoàn tất đầy đủ các thủ tục pháp lý của các lô hàng bán cho Bên A.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trong quá trình vận chuyển hàng đến địa điểm giao nhận hàng.

**ĐIỀU 8. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

- Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng, Bên B phải thực hiện biện pháp Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% (ba phần trăm) giá trị hợp đồng tương đương ..... đồng, đã bao gồm thuế GTGT 10% (Bằng chữ: .....). Bảo đảm hợp đồng bằng một trong các hình thức sau:

+ Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Nộp tiền vào tài khoản Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng số TK: 3301 0000 017 892 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Cao Bằng.

+ Hoặc Bên B có thể dùng một phần giá trị tiền hàng của Lô hàng đã giao nhận lần đầu để làm bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

+ Trường hợp Bên B có công nợ dư tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo các hợp đồng kinh tế đã phát sinh trước đây thì có thể dùng phần dư có đó để chuyển thành bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu phần dư có đủ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng, nếu chưa đủ có thể chuyển khoản bổ sung cho phần thiếu hụt).

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày Bên B hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành việc giao nhận toàn bộ lô hàng hóa theo hợp đồng.

- Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

+ Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.

+ Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

**ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG**

- Các sự kiện bất khả kháng bao gồm, nhưng không chỉ duy nhất các sự kiện như: thiên tai (lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, phun trào núi lửa, sóng thần); địch họa; tội phạm; nổi loạn; khởi nghĩa; nổi dậy; dân biến; bom mìn còn sót lại sau chiến tranh; khủng bố; hành động của kẻ thù nước ngoài; thù nghịch (có hoặc không có tuyên bố chiến tranh); chiến tranh; sức mạnh quân sự; tiếm nghịch; sung công; quốc hữu hóa; trừng phạt của chính quyền; bao vây; cấm vận; tranh chấp lao động; bãi công; đình công; đóng cửa doanh nghiệp hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác vượt quá sự kiểm soát của các bên.

- Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng khi nguyên nhân của việc không thực hiện đó xuất phát từ hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Không bên nào có quyền chấm dứt hợp đồng theo Điều 10 Hợp đồng trong những hoàn cảnh như vậy.

- Bất kỳ bên nào đưa ra khẳng định bất khả kháng như là lý do để biện minh cho việc không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ của mình có trách nhiệm trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chứng

minh bằng văn bản và/hoặc bằng chứng cứ rằng các biện pháp hợp lý đã được thực hiện (tùy theo hoàn cảnh) để giảm thiểu sự chậm trễ hay các tổn thất phát sinh ra từ các sự kiện có thể dự đoán trước, rằng tất cả các bổn phận không thể được miễn trách nhiệm đã được thực thi đầy đủ, và bên kia đã được thông báo kịp thời về sự kiện có thể xảy ra hay sự kiện đã xảy ra trên thực tế và chúng là có thể biện minh cho khẳng định như vậy, sao cho các cảnh báo thận trọng khác có thể được coi là đã có.

- Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng thì thời gian thực hiện Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng (nếu có) kèm theo sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

- Trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện bất khả kháng qua đi, bên rơi vào tình trạng bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các bổn phận và nghĩa vụ của mình đã quy định trong Hợp đồng.

**ĐIỀU 10. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG, TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

10.1. Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30/6/2021 hoặc sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình - tùy theo điều kiện nào xảy ra sau.

10.2. Tạm dừng hợp đồng:

Các bên có quyền tạm dừng hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Do sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều 9 Hợp đồng.

- Theo thỏa thuận của các bên.

- Bên A được quyền tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên B.

10.3. Chấm dứt hợp đồng:

Hợp đồng đương nhiên chấm dứt trong các trường hợp sau:

+ Khi kết thúc thời hạn hiệu lực quy định tại Điều 10 Hợp đồng hoặc khi các bên hoàn tất mọi nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng, tùy theo điều kiện nào xảy ra sau.

+ Khi một trong hai bên chấm dứt hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014, hoặc khi các bên thỏa thuận bằng văn bản để chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

Hai bên lập và ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 10 Hợp đồng.

**ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

- Mọi thay đổi, bổ sung trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực phải được hai bên thống nhất bằng văn bản và được ký kết bằng Phụ lục hợp đồng. Văn bản Phụ lục bổ sung là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- Sự vô hiệu của bất kỳ một điều khoản nào trong Hợp đồng phải được thay thế bằng một Phụ lục hợp đồng khác được ký bởi hai bên và không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản khác còn lại.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, có vấn đề gì phát sinh thì hai bên thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc giải quyết. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày một trong hai bên có quyền

đưa đơn đến tòa án có thẩm quyền để giải quyết (Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng). Phán quyết của tòa án là chung cuộc, có hiệu lực đối với cả hai bên và ràng buộc các bên phải tuân thủ. Bên thua phải chịu toàn bộ án phí để giải quyết vụ việc.

- Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để thực hiện.

| **ĐẠI DIỆN BÊN BÁN** | **ĐẠI DIỆN BÊN MUA** |
| --- | --- |
| *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* | *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |